

# PHÁT TRIỂN CỦA VĂN XUÔI QUỐC NGỮ NAM BỘ CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẦU THẾ KỶ XX

**Lê Anh Tuấn**

*Trường Trung cấp Vạn Tường*

*Email: tuanla@vt.edu.vn*

*Ngày nhận: 04/11/2020; Ngày duyệt đăng: 22/12/2020*

## **Tóm tắt**

*Nói đến sự hình thành và phát triển của văn xuôi quốc ngữ Nam Bộ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX không thể không nhắc đến vai trò to lớn của công tác dịch thuật và các tờ báo quốc ngữ. Việc dịch thuật không chỉ giúp phổ biến chữ quốc ngữ ngày càng sâu rộng đến với người dân, mà còn giúp bạn đọc lần đầu tiên được thưởng thức các kiệt tác văn học của nước ngoài, điều mà trước đây chỉ nghe nói. Bên cạnh đó, việc dịch thuật còn giúp các nhà văn có cơ hội ngày càng hoàn thiện kỹ năng sử dụng chữ quốc ngữ, rèn luyện khả năng viết văn, đặc biệt là học kỹ thuật viết văn của các nước tiên tiến. Tuy nhiên, các tác phẩm dịch thuật sẽ không tới được tay bạn đọc nếu như không có các tờ báo quốc ngữ. Với sự đăng tải ngày càng nhiều các tác phẩm văn học, báo chí quốc ngữ đã trở thành mảnh đất màu mỡ nuôi dưỡng, đào tạo và thử thách tay nghề của người cầm bút lúc bấy giờ. Từ đó, công chúng văn chương cũng được bắt nguồn từ công chúng báo chí, và văn học hiện đại Việt Nam cũng bắt đầu nảy mầm từ đây.*

**Từ khóa:** *báo chí quốc ngữ, dịch thuật, văn xuôi quốc ngữ Nam Bộ.*

## **The role of translation and press to the formation and development of the Southern National Language Prose from the late 19th to the early 20th century**

### **Abstract**

*Regarding to the formation and development of the national language prose in the Southern of Vietnam from the late 19<sup>th</sup> to the early 20<sup>th</sup> century, the great role of translation and national language press must be mentioned. Translation not only helped spread the national language widely to the readers, but also helped them enjoy some foreign literary masterpieces which had just heard before. Besides, translating also helped writers have more opportunities to improve their skills in using the national language, practice their writing skills as well as learn the writing techniques of developed countries. However, the translation works could not reach readers without the national language press. With the publication of many literary works, the national language press has become a fertile and nurturing land to train and challenge the skills of the writer at that time. Since then, the literature readers also originated from the press readers and modern Vietnamese literature also began to sprout from here.*

**Key words:** *national press, national prose, translation.*

**Đặt vấn đề**

Cùng với sự xuất hiện của chữ quốc

ngữ, văn xuôi quốc ngữ Nam Bộ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX ra đời và phát triển gắn liền với phong trào dịch thuật và các tờ báo quốc ngữ. Điều này đã tạo tiền đề cho Nam Bộ đi trước cả nước một bước trong việc hình thành và phát triển của văn xuôi quốc ngữ.

Kể từ khi chữ quốc ngữ ra đời, báo chí quốc ngữ phát triển mạnh, tạo tiền đề cho phong trào dịch thuật cũng từ đó mạnh nhen và phát triển. Là thuộc địa của Pháp, nên các tác phẩm văn học Pháp được nhiều người lựa chọn để dịch sang chữ quốc ngữ. Sau đó là trào lưu dịch các tác phẩm văn học kinh điển của Trung Quốc, đặc biệt là những năm đầu thế kỷ XX. Chúng ta có thể kể tên một số nhà dịch thuật nổi tiếng thời điểm đó như: Trương Minh Ký, Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, Nguyễn Văn Vĩnh, ...

Các tờ báo quốc ngữ giai đoạn này đóng vai trò vô cùng to lớn trong việc công bố những bản dịch đầu tiên và chuyển tải nhanh nhất các tác phẩm dịch thuật đến với đông đảo công chúng. Qua công tác dịch thuật, các nhà văn quốc ngữ Nam Bộ một mặt hoàn thiện chữ quốc ngữ, mặt khác có cơ hội rèn luyện tay nghề, kỹ thuật viết văn của nước ngoài để sớm hoàn thiện kỹ năng viết văn, trở thành các nhà văn quốc ngữ tiên phong của Nam Bộ. Nền văn học quốc ngữ Nam Bộ cũng từ đây hình thành và phát triển, góp phần tích cực trong việc hình thành và phát triển nền văn học quốc ngữ nói riêng, tiến trình hiện đại hóa văn học Việt Nam nói chung.

### 1. Phong trào dịch thuật nở rộ

Buổi bình minh của văn xuôi quốc ngữ Nam Bộ thường gắn liền với các tác phẩm dịch thuật, bởi đây là một kiểu “sáng tác” không tốn nhiều công sức phải suy nghĩ, chủ yếu là dịch các tác phẩm của Trung

Quốc và phương Tây ra chữ quốc ngữ. Việc dịch thuật này cũng được xem như một môi trường để các tác giả trải nghiệm, góp phần làm trau chuốt và hoàn thiện hơn chữ quốc ngữ sau này, đồng thời khai mở tâm trí, giúp người Việt có cơ hội tiếp cận các nền văn minh tiên tiến của nhân loại.

Văn học Việt Nam từ lâu đã chịu ảnh hưởng bởi nền văn học Trung Quốc. Khi trở thành thuộc địa của Pháp, văn học Việt Nam nói chung và văn học Nam Bộ nói riêng lại chịu ảnh hưởng thêm bởi văn học phương Tây, đặc biệt là nền văn học Pháp. Đội ngũ tác giả dịch truyện Tàu, truyện phương Tây từ đây cũng bắt đầu xuất hiện và nở rộ. Chúng ta có thể kể đến những tác giả dịch truyện Tàu, truyện phương Tây, Hán văn sang chữ quốc ngữ nổi tiếng lúc bấy giờ như: Trương Minh Ký, Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Chánh Sắt, Huỳnh Tịnh Của, Nguyễn Văn Vĩnh, ..., trong đó “*Trương Minh Ký chẳng những là người mở đầu việc dịch thuật văn học Hán - Việt mà còn là người đi tiên phong trong văn học dịch Pháp - Việt nữa*” (Bằng Giang, 1992: 87). Cuối thế kỷ XIX, việc dịch thuật chủ yếu nhằm mục đích phổ biến chữ quốc ngữ đến với người dân. Sang đầu thế kỷ XX, việc dịch thuật bắt đầu hướng đến việc đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ và thị hiếu của người đọc. Hội dịch sách cũng từ đây được thành lập (1907), trong đó ông Nguyễn Văn Vĩnh là một trong những sáng lập viên đầu tiên của Hội. Hội dịch sách ra đời với mong muốn “*chọn những sách hay của Pháp và Trung Quốc dịch ra chữ quốc ngữ để mọi người Nam đều được biết cái hay, đều được học cái đẹp, không phải qua một thứ chữ khác*” (Nguyễn Văn Hiệu, 2007: 100). Chỉ trong thập niên đầu của thế kỷ XX đã có trên 30 bộ truyện được dịch ra chữ quốc ngữ, trong

đó có những bộ truyện kinh điển của Trung Quốc như *Tam quốc diễn nghĩa* (Nguyễn Liên Phong dịch và ấn hành, 1907), *Đông Chu liệt quốc* (Nguyễn Chánh Sắt, Nguyễn An Khương, Nguyễn Công Kiều, ... dịch và ra mắt bắt đầu từ năm 1906), *Thủy hử* (Á Nam Trần Tuấn Khải dịch, 1907), Nguyễn Văn Vĩnh dịch các tác phẩm: *Ba người ngư lâm pháo thủ* của Dumas, *Miếng da lừa* của Balzac, *Những người khôn khổ* của Hugo, ... Và “*Nhờ những nhà dịch thuật có tài như vậy, đã khiến mọi người nhận ra khả năng của chữ quốc ngữ, người ta nô nức học chữ quốc ngữ, vì nhiều người không biết chữ Hán và chữ Pháp có thể thông qua chữ quốc ngữ tiếp cận được những áng văn chương hay của nước ngoài*” (Hoàng Tiến, 2014: 118).

Văn học dịch ở Nam Bộ là bộ phận tiên phong của văn học quốc ngữ cũng như văn học dịch cả nước. Khi những bản dịch văn học phương Tây đầu tiên ở Nam Bộ được đăng trên các tờ báo quốc ngữ, thì thời điểm đó Bắc Bộ vẫn chưa biết đến báo chí cũng như văn học phương Tây. Võ Văn Nhơn (2010) trong bài viết *Văn học dịch ở Nam bộ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX* cũng khẳng định: “*Vì là thuộc địa của Pháp, nên văn học phương Tây, đặc biệt là văn học Pháp được du nhập, được dịch và xuất bản ở Nam bộ sớm hơn so với miền Bắc, riêng tiểu thuyết Pháp được dịch ra quốc ngữ còn sớm hơn cả tiểu thuyết cổ điển Trung Hoa*”. Theo Đoàn Lê Giang và Phạm Thị Tố Thy (2016) thì: “*Nếu so với các nước Đông Á như Nhật, Trung Quốc, Hàn Quốc thì việc dịch văn học phương Tây ở Nam Bộ Việt Nam cũng vào loại sớm*”.

Ở Nhật Bản, năm 1877 Hattori Toku dịch “*Dân ước luận*” của Rousseaux; 1878 Kawajima Chunosuke dịch “*Tám mươi*

*ngày vòng quanh thế giới*” của Jules Verne; 1883 Nakae Chômin dịch và giải thích “*Dân ước dịch giải*” của Rousseaux; 1896 xuất hiện bản dịch “*Cha và con*” của nhà văn Nga Ivan Turgenev...

Ở Trung Quốc, năm 1898 bản dịch “*Trà hoa nữ*” của nhà văn Pháp Dumas (con) được nhiều người coi là sự kiện mở đầu cho việc dịch văn học phương Tây ở Trung Quốc. Sau đó năm 1902 xuất hiện bản dịch “*Những cuộc phiêu lưu của Robinson*” của nhà văn Anh Defoe.

Hàn Quốc đến đầu thế kỷ XX mới bắt đầu xuất hiện những bản dịch đầu tiên tiểu thuyết phương Tây”.

Như vậy, 17 năm sau khi Trương Minh Ký có bản dịch văn học phương Tây đầu tiên đăng trên *Gia Định Báo* thì Trung Quốc mới có bản dịch văn học phương Tây ra quốc ngữ đầu tiên. Còn ở Hàn Quốc thì lâu hơn, phải tới đầu thế kỷ 20 mới có bản dịch đầu tiên của văn học phương Tây. Như vậy, về mặt thời gian, văn học dịch ở Nam Bộ nói riêng, Việt Nam nói chung đều đi trước Trung Quốc và Hàn Quốc, chỉ đi sau Nhật Bản vài năm.

Dịch thuật ở Nam Bộ giai đoạn cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX với mục đích ban đầu là: “*Để giúp trong các trường học cùng những người học tiếng Annam*” (Lời nói đầu trong *Chuyện giải buồn* (1886) của Huỳnh Tịnh Của). Sau đó còn là dịch để mô phỏng như: Trần Chánh Chiêu, Lê Hoàng Mưu, Hồ Biểu Chánh, Trương Duy Toàn, Nguyễn Chánh Sắt, Biền Ngũ Nhy, ... Cuối cùng là dịch nhằm giới thiệu cái hay của nền văn học các nước tiên tiến để người dân cùng thưởng thức. Trong *Lời nói đầu* của tác phẩm dịch *Tiền căn báo hậu*, Trần Chánh Chiêu đã viết: “*Độc các truyện tiểu thuyết Lang-sa thấy được truyện “Tiền căn báo*

hậu” này rất thú vị vô cùng. Nên ta chịu khó dịch ra cho bạn đồng bang nhân lãm (...).

Vậy có thơ rằng:

Nghĩ ngán đời sao những bất bằng,  
Thù sâu thề quyết trả phăng phăng.  
Nước còn chau mặt cùng Đấng-Lạc  
(Danglars)

Đá vẫn cầm gan với Phec-Năng  
(Fernand)

Một túi càn khôn thay xác quỷ,  
Ngàn trùng ba lãng hiện hình trăng.  
Nghiêng mình đứng giữa hòn vô chủ,  
Hỡi lũ quyền gian có biết chằng?”

(bản in nhà in Nguyễn Văn Cửa, 1914).

Bên cạnh đó, văn học dịch ở Nam Bộ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX còn “góp phần tạo nên bước chuyển biến về chất, thúc đẩy quá trình hiện đại hóa văn hoá từ phạm trù văn hoá trung đại sang phạm trù văn hoá hiện đại” và “vai trò của phiên dịch ở Việt Nam giai đoạn cuối XIX – 1945 có điểm đặc thù so với vai trò của phiên dịch trong nhiều nền văn hoá phương Đông trong tiến trình hiện đại hóa. Sự chuyển đổi dần vai trò chủ đạo của văn tự từ hệ chữ viết khối vuông (Hán, Nôm) sang hệ mẫu tự Latin (từ đây gọi là chữ Quốc ngữ) trong đời sống văn hóa - xã hội Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX làm nên tính đặc thù này” (Nguyễn Văn Hiệu, 2007).

Ngoài dịch thuật, văn xuôi quốc ngữ Nam Bộ giai đoạn này cũng đến với quần chúng nhân dân bằng những tác phẩm ngắn ngoài đời, xuất bản dưới hình thức những tập sách mỏng in trên các tờ báo quốc ngữ. Nội dung tư tưởng của các sáng tác này cũng chưa thể hiện nhiều về những góc cạnh đời sống tinh thần như văn học phương Tây cùng thời, mà chủ yếu thể hiện những tư tưởng có sẵn do tiếp nhận được. Thời này, các nhà văn quốc ngữ Nam Bộ nhiều người

xuất thân Nho học và được đào luyện trong nền học vấn cũ, tự do trong việc viết bằng chữ Hán, chữ Nôm hơn là thứ chữ mới (chữ quốc ngữ). Vì vậy, khi viết bằng chữ quốc ngữ, họ thường suy nghĩ và đi theo những khuôn phép của chữ Nôm, chỉ chuyển dịch điều mình viết ra loại hình quốc ngữ mà thôi. Đó chính là lý do mà khi Trương Minh Ký dịch truyện *Phú bản truyện diễn ca* (một tiểu thuyết của Pháp thời đó), tác phẩm đã khiến người đọc ngỡ là một bài thơ lục bát (dẫu nguyên tác nó được viết bằng văn xuôi):

“Có người phú quý trên đời,

Huỳnh-trâm (Wildslrom) tổng trấn ở  
nơi Tây-thành.

Lòng nhọn đao, nét hiền lành,  
xa xuôi mến đức, gần quanh đẹp lòng.

Một ngày rảo bước thơ phòng,  
xem hai bức tượng, xét đồng tài nhau”.

(*Phú bản truyện diễn ca*, 1896)

Khi dịch *Phú bản truyện diễn ca*, có lẽ Trương Minh Ký vẫn còn chịu nhiều ảnh hưởng của nền văn học Hán-Nôm, với sự phổ biến và lấn lướt của thể loại văn vần hơn là văn xuôi, nên văn ông vẫn còn mang âm hưởng của thể văn vần truyền thống.

Như vậy, phong trào dịch thuật giai đoạn cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX không chỉ giúp phổ biến chữ quốc ngữ ngày càng sâu rộng đến với người dân, mà còn giúp công chúng đọc lần đầu tiên được thưởng thức các kiệt tác văn học của nước ngoài. Bên cạnh đó, việc dịch thuật còn giúp các nhà văn có cơ hội ngày càng hoàn thiện kỹ năng sử dụng chữ quốc ngữ, rèn luyện khả năng viết văn, đặc biệt là học kỹ thuật viết văn của các nước tiên tiến, tạo tiền đề cho sự hình thành và phát triển của văn xuôi quốc ngữ Nam bộ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

## 2. Báo chí quốc ngữ - cái nôi của nền

### **văn học quốc ngữ**

Sự xuất hiện của chữ quốc ngữ đã tạo nền tảng ra đời hàng loạt các tờ báo quốc ngữ giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, góp phần không nhỏ trong việc truyền bá và phát triển của chữ quốc ngữ, tạo tiền đề cho một nền văn học mới bắt đầu xuất hiện, văn xuôi quốc ngữ.

Giai đoạn cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX xuất hiện hàng chục tờ báo quốc ngữ. Riêng giai đoạn cuối thế kỷ XIX lần lượt xuất hiện 4 tờ báo quốc ngữ sau: *Gia Định báo* (1865), *Thông loại khoá trình* (1888), *Nhật trình Nam kỳ* (1897) và *Phan Yên báo* (1898). Đến đầu thế kỷ XX, báo chí quốc ngữ bắt đầu nở rộ với hàng chục cái tên như: *Nông cổ mín đàm* (1901), *Nhật tinh báo* (1905), *Đại Việt tân báo* (1905), *Đăng Cổ Tùng báo* (1907), *Lục tinh Tân văn* (1907), *Nam Kỳ địa phận* (1908), *Trung Bắc Tân văn* (1913), *Công luận báo* (1916), *Nam Phong Tạp chí* (1917), *Phụ nữ Tân văn* (1929),...

Trong *Lời giới thiệu* cuốn sách *Báo Quốc ngữ ở Sài Gòn cuối thế kỷ 19*, nhà nghiên cứu Trần Nhật Vy nhận định: “*Lịch sử báo quốc ngữ ở Sài Gòn không chỉ là lịch sử của báo chí, của nghề báo, nhà báo mà còn là lịch sử phát triển chữ quốc ngữ, lịch sử văn học nước nhà*” (Trần Nhật Vy, 2014). Khi tờ *Gia Định Báo* ra đời cũng là thời điểm chữ tượng hình chấm dứt trên đất Việt, thoát khỏi “vòng tay ôm ấp” ngàn năm của chữ Nho để đi lên cùng chữ quốc ngữ. Các tờ báo quốc ngữ nói chung và *Gia Định báo* nói riêng “không chỉ giúp cho người Việt có thêm một nghề – nghề báo – tới nay trở thành nghề có chỗ đứng trang trọng trong xã hội và quốc tế, giúp người Việt học và phát triển mạnh chữ quốc ngữ, đồng thời trở thành thứ chữ chính thức của người Việt trên toàn cầu. Tờ báo còn dẫn người Việt đi

xa hơn “ngôi nhà” văn vần, văn biền ngẫu để viết tiểu thuyết, tổng luận, phóng sự, ký sự, triết học, khoa học... hoà nhập vào thế giới bên ngoài, nơi mà ngàn năm trước bị coi là “thấp kém”. Mặt khác, tờ báo cũng có những tác động mạnh mẽ đến nhận thức xã hội của người Việt từng chìm trong u tối, chìm trong sự mù chữ kinh niên. Tờ báo cũng làm sản sinh thêm một nghề “cơ khí” mới trong xã hội: đó là nghề sắp chữ in, nghề in bằng máy đồng thời phát triển thêm nghề khác như phát hành sách báo, quảng cáo...” (Trần Nhật Vy, 2014). Thông qua các tờ báo quốc ngữ, người Sài Gòn thời bấy giờ tiếp cận được thế giới thông tin, tập cho mình thói quen “mỗi sáng đọc báo” để cập nhật tin tức và họ bắt đầu “tìm thấy ở đó những con chữ mà từ lâu chỉ nghe chứ chưa thấy. Rồi dần dà họ đọc được những văn bản, nghị định sát sườn với đời sống mà trước đó phải đi “hầu quan” mới biết. Tiến một bước dài hơn là họ tìm thấy trên báo những chuyện ở xa mà lâu nay “chỉ nghe đồn” như chuyện “bắt cướp”, cướp của, mùa màng, thiên thời... Rồi đọc được trên báo những chuyện ở bên Tây, bên Tàu và sau cùng là các chuyện bằng văn xuôi...” (Trần Nhật Vy, 2014). Cũng theo nhà nghiên cứu Trần Nhật Vy: “*Gia Định báo cũng là tờ báo quốc ngữ đầu tiên đăng những truyện thơ, truyện dịch văn xuôi, những tác phẩm văn học quốc ngữ từ đầu tháng 12-1881, gần như mỗi số đều có.*

### **Con chó sói**

Có một thằng nhỏ nói láo thương thủ, chẵn một bầy chien dựa mé rừng. Bữa (bữa) kia nó tính giểu (giểu) chơi, mới chông gọng la lên: “Ồ người ta! Chó sói! Chó sói!”. Xóm làng nghe la, kẻ cầm hèo, người vác mác chạy ra, không thấy chi hết. Nó cười thảm họ mắc mớp thằng con nít. Qua

ngày sau, nó cũng la “*Ớ người ra! Chó sói! Chó sói!*”. *Lối xóm cũng chạy ra ứng tiếp, song ít hơn hôm qua, không thấy chi hết, họ giận thề thốt vài điều rồi quay về. Ngày mai, thiết có chó sói đến. Nó la hét hơi, lạt (lạc) giọng “Ớ người ta! Chó sói! Chó sói!” không thấy lấy một người ra tiếp. Bầy chien vỡ chạy vào làng; còn anh ta chạy không kịp bị chó sói phân thây nít thịt, hết đời nói dối*”. (Gia Định báo, số 39, ngày 08/12/1889; Trần Nhật Vy, 2014: 77).

Mặc dù *Gia Định báo* (1865) là tờ báo quốc ngữ đầu tiên, tuy nhiên, *Nam kỳ* (còn gọi là *Nam Kỳ Nhựt trình*) (1897) mới là tờ báo duy nhất dành nhiều thời lượng để đăng tải các tác phẩm văn xuôi đến với người đọc (báo dành khoảng 2/8 trang nội dung để đăng các tác phẩm văn xuôi). Với số trang đáng kể này, *Nam kỳ* đã đăng rất nhiều các tác phẩm dịch cũng như sáng tác của các nhà văn thuộc thế hệ đầu tiên của Sài Gòn, miền Nam lúc bấy giờ. Với tư cách là chủ bút tờ *Nam Kỳ*, Trương Minh Ký với bút hiệu Mai Nham đã viết và dịch khá nhiều các tác phẩm đăng trên tờ *Nam Kỳ* như: tuồng Kim Vân Kiều; tuồng Bá Áp Khảo; Truyện Phansa diễn ra quốc ngữ; Phú bản truyện diễn ca, ... Trong khi đó, các tờ báo quốc ngữ khác như *Gia Định báo* thường đăng những tác phẩm văn vần và các tác phẩm văn xuôi, *Thông loại khóa trình* đăng những văn bản truyền miệng suu tầm, những văn bản chuyển ngữ từ chữ Nôm sang chữ quốc ngữ. Với *Nam Kỳ địa phận*, mặc dù là tờ “báo đạo”, tuy nhiên tờ báo cũng dành nhiều thời lượng để đăng tải các tác phẩm dịch, phóng tác và các truyện, tiểu thuyết lấy đề tài và nhân vật Việt Nam như: Mưa mai nắng chiều (1928), Đôi bước lưu ly (1928), Ôi là tự do (1931), Cha giết con (1932), ... Còn tờ *Nam kỳ địa phận* thì

“đăng nhiều truyện ngắn, truyện dài của các tác giả nổi tiếng đương thời. Truyện “Hà Hương phong nguyệt” của Lê Hoàng Mưu (từ 1912 đến 1915), “Ai làm được” của Hồ Biểu Chánh (20-3-1919), “Nghĩa hiệp kỳ duyên” của Nguyễn Chánh Sắt (tháng 3-1919) (Nguyễn Văn Trung, 2015: 423).

Với sự đăng tải ngày càng nhiều các tác phẩm văn học trên báo, báo chí quốc ngữ đã trở thành mảnh đất màu mỡ nuôi dưỡng, đào tạo và thử thách tay nghề của người cầm bút lúc bấy giờ. Từ đó, công chúng văn chương cũng được bắt nguồn từ công chúng báo chí, và văn học hiện đại Việt Nam cũng bắt đầu nảy mầm từ đây. Nói cách khác, chữ quốc ngữ và báo chí quốc ngữ chính là cái nôi của văn học hiện đại Việt Nam. Báo chí quốc ngữ ra đời đã tạo tiền đề hình thành đội ngũ nhà văn quốc ngữ, mở đường cho nền văn xuôi quốc ngữ Nam Bộ bắt đầu xuất hiện như: Trương Minh Ký, Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Chánh Sắt, Huỳnh Tịnh Của, Nguyễn Trọng Quản, Hồ Biểu Chánh...

Báo chí quốc ngữ giai đoạn này đã có những đóng góp vô cùng quan trọng, không chỉ về mặt tin tức mà còn mang tính giáo dục cao (vì tính phổ cập mạnh hơn sách vở), góp phần phổ biến chữ quốc ngữ và văn xuôi quốc ngữ Nam Bộ đến nhanh hơn với mọi tầng lớp nhân dân. Trong *Trích Báo* (nay gọi là *Lời nói đầu*) của tờ *Thông loại khóa trình*, Trương Vĩnh Ký viết: “*Coi sách lắm nó cũng nhàm; nên phải có cái chi vui pha vào một hai khi, nó mới thú. Vậy ta tính làm ra một tháng đôi ba kỳ, một tập mỏng mỏng nói chuyện sang đàng quốc chí, phá phách lộn lạo, xào bần để cho học trò coi chơi cho vui. Mà chẳng phải là chơi không vô ích đâu: cũng là những chuyện con người ta ở đời nên biết cả. Có ý, có chí thì lâu nó sẽ thấm....*” (Trương Vĩnh Ký, 1888: 3).

Báo chí quốc ngữ giai đoạn cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đã góp phần quan trọng trong việc đưa những sáng tác, phiên âm, những bản dịch tiểu thuyết phương Tây đến nhanh hơn, gần hơn với công chúng đọc như: *Chuyện Phan Sa diễn ra quốc ngữ - Fables de la Fontaine* (Truyện ngụ ngôn của La Fontaine), *chuyện Phú bần diễn ca* (Riche et Pauvre) của Trương Minh Ký, đăng trên *Gia Định báo* 1884-1885; *Chuyện vui* (Chuyện khôi hài bên Tây) và *Tích ông Esope* của Trương Vĩnh Ký, đăng trên *Miscellanées* (Thông loại khóa trình, từ số 2 (tháng 6 năm 1889) đổi thành *Sự loại thông khảo*); *Mười lăm năm một chữ tình* của Nguyễn Chánh Sắt, tiểu thuyết Langsa diễn ra quốc âm, đăng trên *Nông cổ minh đàm* số 25 (19-7-1917) - Số 29 (23-8-1917),... Nhìn chung, qua sự phát triển của báo chí quốc ngữ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chúng ta cũng bắt đầu thấy diện mạo của một nền tiểu thuyết bắt đầu hình thành, “*Quan sát báo chí đầu thế kỷ 20, chúng ta có thể thấy sự phát triển của tiểu thuyết hiện đại Việt Nam. Ở thập niên đầu của thế kỷ 20, trong Nông cổ minh đàm, Lục tinh tân văn, Nam Kỳ địa phận, ... chỉ mới có truyện dịch và các bút ký, đoản thiên tiểu thuyết, trường hợp của Hoàng Tố Anh hàm oan của Trần Thiên Trung (tức Trần Chánh Chiếu) và Phan Yên ngoại sử – Tiết phụ gian truân của Trương Duy Toàn là rất hiếm hoi. Đến thập niên thứ hai, chúng ta mới bắt đầu có tiểu thuyết với Hà Hương phong nguyệt (1912), Ai làm được (1919) của Hồ Biểu Chánh, Nghĩa hiệp kỳ duyên (1920) của Nguyễn Chánh Sắt, ... trên Nông cổ minh đàm; Kim thời dị sử – Ba Lâu rông nghề đạo tặc (1917) của Biền Ngũ Nhy trên Công luận báo.*

*Thập niên thứ ba là thập niên phát triển mạnh mẽ nhất của tiểu thuyết Quốc ngữ*

*Nam Bộ như chúng ta thấy trên các báo Lục tinh tân văn, Công luận báo, ... Đến Nam Kỳ địa phận, tờ báo của Công giáo cũng dành đất để đăng tiểu thuyết và đến năm 1926 báo tăng thêm số trang và dành hẳn phần phụ trương (supplément du Nam Kỳ địa phận) gồm 4 trang chuyên đăng quảng cáo và truyện, tiểu thuyết. Các tiểu thuyết đăng trên phụ trương như Người mặt sắt (1932), Mối thù mật nhiệm (1934),... là những tiểu thuyết phiêu lưu, mạo hiểm và có cả tiểu thuyết hình sự như Trên đường quân hạt (1932). Đến 1925, Nam Kỳ địa phận đã có các truyện có cốt truyện Việt Nam, nhân vật Việt Nam như Bạch Mai truyện của J.Trần T. và Huỳnh Ngọc Diệp của T.N.C.Đ” (Võ Văn Nhơn, 2006).*

Bên cạnh các bản dịch thuật, báo chí quốc ngữ thời bấy giờ cũng đăng tải nhiều tác phẩm lớn của văn học Pháp. Các vở kịch như: *Trường giả học làm sang, Người bệnh tưởng* (Molière), tiểu thuyết *Ba người ngự lâm pháo thủ* (Dumas), *Những người khốn khổ* (Hugo), *Miếng da lừa* (Balzac)... đã góp phần quan trọng đổi mới tư duy trong sáng tác của các nhà văn quốc ngữ thời bấy giờ.

Báo chí quốc ngữ ngoài việc chuyển tải các thông tin hành chính đến với người dân, còn đăng tải hàng loạt các tác phẩm văn học nhằm đáp ứng thị hiếu của công chúng lúc bấy giờ, đặc biệt là các tác phẩm văn học lớn của phương Tây. Từ đây, đời sống văn học trong xã hội Nam Bộ bắt đầu nhộn nhịp và đa dạng hơn. Các thể loại truyện ngắn, truyện vừa, tiểu thuyết bắt đầu xuất hiện và chiếm ưu thế so với thể loại văn vần truyền thống. Tiếp xúc với nền văn học phương Tây, các nhà văn quốc ngữ như được thổi một làn gió mới trong tư duy sáng tác. Họ bắt đầu sử dụng chữ quốc ngữ để dịch các tác phẩm kinh điển nước ngoài, đặc biệt là

văn học Pháp và Trung Quốc. Sự mô phỏng (phóng tác) trong sáng tác theo các tác phẩm văn học nước ngoài cũng được nhiều nhà văn lựa chọn để làm mới tác phẩm của mình. Chủ đề trong sáng tác không còn trừu tượng, xa vời như văn học trung đại trước đây mà bối cảnh được lấy ngay trong cuộc sống đời thường của người dân, với những vấn đề vụn vặt nhất. Nhân vật cũng không còn là những hình tượng quá xa vời, thay vào đó là những con người bình dị, có tên tuổi ngoài đời. Điều này khiến những trang văn trở nên gần gũi, thân thiện và thật như cuộc sống của mỗi con người.

Như vậy, các tờ báo quốc ngữ ngoài việc góp phần hỗ trợ hoàn thiện và phát triển chữ quốc ngữ còn có những đóng góp vô cùng quan trọng cho sự ra đời và phát triển của nền văn xuôi quốc ngữ Nam Bộ, đặt nền tảng cho văn học hiện đại Việt Nam, như nhóm tác giả Trần Văn Giàu, Trần Bạch Đằng, Nguyễn Công Bình trong Địa chí văn hoá thành phố Hồ Chí Minh (tập 2) đã nhận định: “báo chí quốc ngữ trong một thời gian dài là môi trường của văn học, trên đó đăng nhiều thơ, truyện, chánh luận” (Trần Văn Giàu và cộng sự, 1988: 217). Nói cách khác, báo chí quốc ngữ chính là cái nôi của nền văn học quốc ngữ Nam Bộ nói riêng và văn học Việt Nam nói chung.

### **Kết luận**

Tóm lại, sự hình thành và phát triển của văn xuôi quốc ngữ Nam Bộ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX gắn liền với công tác dịch thuật và các tờ báo quốc ngữ. Báo chí quốc ngữ bên cạnh chuyển tải các thông tin hành chính đến với người dân, còn đăng tải hàng loạt các tác phẩm văn học nhằm đáp ứng thị hiếu của công chúng lúc bấy giờ, đặc biệt là các tác phẩm văn học dịch. Với sự đăng tải ngày càng nhiều các tác phẩm

văn học, báo chí quốc ngữ đã trở thành mảnh đất màu mỡ nuôi dưỡng, đào tạo và thử thách tay nghề của người cầm bút lúc bấy giờ. Từ đó, công chúng văn chương cũng được bắt nguồn từ công chúng báo chí, và văn học hiện đại Việt Nam cũng bắt đầu nảy mầm từ đây. Nói cách khác, văn học dịch và báo chí quốc ngữ có vai trò to lớn đối với sự ra đời và phát triển của văn xuôi quốc ngữ Nam Bộ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, là cái nôi của nền văn học hiện đại Việt Nam.

### **Tài liệu tham khảo**

- Bằng Giang (1992). *Văn học quốc ngữ ở Nam Kỳ 1865-1930*. Tp Hồ Chí Minh, Nxb Trẻ.
- Đoàn Lê Giang và Phạm Thị Tố Thy (2016). Dịch văn học phương Tây ở Sài Gòn – Gia Định trong buổi bình minh của văn học Quốc ngữ. *Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một*, số 29, 48-57.
- Hoàng Tiến (2014). *Chữ quốc ngữ và cuộc cách mạng chữ viết đầu thế kỷ 20*. Hà Nội, Nxb Lao Động.
- Nguyễn Văn Hiệu (2007). Ý thức văn hóa trong dịch thuật văn chương ở Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đến 1945. *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*, số 1/2007, 131-144.
- Nguyễn Văn Trung (2015). *Hồ sơ về lục châu học: tìm hiểu con người ở vùng đất mới - dựa vào tài liệu văn sử bằng quốc ngữ ở miền Nam từ 1865 – 1930*. Tp Hồ Chí Minh, Nxb Trẻ.
- Thế Tài và Trương Minh Ký (1896). *Phủ bản truyện diễn ca (Riche et Pauvre)*. Saigon, Imprimerie Commerciale Rey, Curiol et Cie.
- Trần Nhật Vy (2014). *Báo Quốc ngữ ở Sài Gòn cuối thế kỷ 19*. Tp Hồ Chí Minh,



Nxb Trẻ.

Trần Văn Giàu, Trần Bạch Đằng, Nguyễn Công Bình (chủ biên) (1998). *Địa chí văn hoá thành phố Hồ Chí Minh* (Tập II: Văn học – Báo chí – Giáo dục). Tp Hồ Chí Minh, Nxb Tp Hồ Chí Minh.

Trương Vĩnh Ký (1888). *Thông loại khóa trình (Miscellanées ou Lectures instructives pour les élèves des écoles primaires communales & cantonales)*. Saigon, Imprimerie Commerciale Rey

& Curiol.

Võ Văn Nhơn (2006). Báo chí quốc ngữ latin với sự hình thành và phát triển của tiểu thuyết Nam Bộ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. *Tạp chí Phát triển khoa học và công nghệ - Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh*, số 9 (2006).

Võ Văn Nhơn (2010). Văn học dịch ở Nam Bộ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. *Tạp chí Phát triển khoa học và công nghệ*, tập 13, số X1-2010, 5-12.